

Số: 3541/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo số 1219 -TB/TU ngày 28/6/2023 của Thành ủy Hà Nội về việc kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại các Tờ trình: số 2152/TTr-STC ngày 19/4/2023, số 2908/TTr-STC ngày 25/5/2023 và Công văn số 3872/STC-QLG ngày 04/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

1. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt:

| TT | Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt | Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt (đồng/m ³) | |
|------------|---|---|--|
| | | Từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023 | Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 |
| I | Hộ dân cư | | |
| 1 | Mức đến 10 m ³ /đồng hồ/tháng | | |
| | Hộ dân thuộc diện gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo | 5.973 | 5.973 |
| | Hộ dân cư khác | 7.500 | 8.500 |
| 2 | Từ trên 10-20 m ³ /đồng hồ/tháng | 8.800 | 9.900 |
| 3 | Từ trên 20-30 m ³ /đồng hồ/tháng | 12.000 | 16.000 |
| 4 | Trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng | 24.000 | 27.000 |
| II | Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; phục vụ mục đích công cộng | 12.000 | 13.500 |
| III | Hoạt động sản xuất vật chất | 15.000 | 16.000 |
| IV | Kinh doanh dịch vụ | 27.000 | 29.000 |

Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

2. Giá bán buôn nước sạch sinh hoạt: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong phương án giá theo quy định; chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn về đối tượng sử dụng nước đảm bảo theo đúng quy định.

- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Cục Thuế Thành phố và các Sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt áp dụng trên địa bàn Thành phố theo quy định.

- Sở Y tế: Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Giao các đơn vị cấp nước:

- Thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Tổ chức thực hiện theo phương án giá nước sạch sinh hoạt được UBND Thành phố phê duyệt. Hàng năm, chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch sinh hoạt theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức, cá nhân và nhân dân đồng thời giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; ✓
- Thường trực: Thành uỷ, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN thành phố HN;
- Các Báo: KTĐT, HNM;
- Đài PTTH Hà Nội;
- VPUB: PCVP_{V.T.Anh}; KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTTH. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải



Phụ lục

GIÁ BÁN BUÔN NƯỚC SẠCH SINH HOẠT¹

(Kèm theo Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND Thành phố)

1. Giá bán buôn nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà:

| TT | Đơn vị cấp nước | Giá bán buôn từ 01/7/2023 (đồng/m ³) | Giá bán buôn từ 01/01/2024 (đồng/m ³) |
|----|--|--|---|
| 1 | Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ đô | 2.700 | 3.000 |
| 2 | Công ty cổ phần nước sạch Tây Hà Nội | 2.700 | 3.000 |
| 3 | Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Ngọc Hải | 2.700 | 3.000 |
| 4 | Công ty cổ phần Viwaco (mức giá để điều hòa cho 03 đơn vị cấp nước nêu trên ²) | 5.820 | 5.820 |
| 5 | Các trường hợp còn lại | 5.070 | 5.070 |

2. Giá bán buôn nước sạch sinh hoạt của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội:

| TT | Đơn vị | Giá bán buôn từ 01/7/2023 (đồng/m ³) | Giá bán buôn từ 01/01/2024 (đồng/m ³) |
|----|---------------------------------------|--|---|
| 1 | Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội | 3.146 | 4.000 |
| 2 | Công ty cổ phần nước sạch số 3 Hà Nội | 8.326 | 9.100 |
| 3 | Công ty cổ phần Viwaco | 8.326 | 9.100 |
| 4 | Công ty cổ phần nước sạch Tây Hà Nội | 5.070 | 5.070 |

¹ Giá bán buôn nước sạch sinh hoạt không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

² Tổ chức thực hiện điều hòa mức giá theo hướng dẫn của Sở Tài chính.